

Số: 272 /QĐ-BQLKKTQP

Phú Quốc, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar thuộc Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 47.804,44m².

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg, ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg, ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg, ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng

QUẢN LÝ KHU

Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND, ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 279,69ha;

Căn cứ Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch sinh thái Miramar thuộc khu du lịch Bãi Ông Lang, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 4,78ha - tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 1255/BQLKKTPO-QLQH ngày 15/8/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc chủ trương Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar thuộc Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BQLKKTPO ngày 15/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô khoảng 4,78ha;

Căn cứ Công văn số 1379/BQLKKTPO ngày 15/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc đóng góp ý kiến về Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 3622/BCH-TM ngày 26/9/2023 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang ngày 26/9/2023 về việc đóng góp ý kiến về Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 1695/STNMT-ĐĐ ngày 25/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Kiên Giang về việc ý kiến về Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc;

Căn cứ Công văn số 553/VQG-QLBV&PTR ngày 02/10/2023 của Vườn Quốc gia Phú Quốc về việc đóng góp ý kiến về Nhiệm vụ và Đồ án Điều chỉnh

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản số 765/BB-UBND ngày 18/9/2023 của UBND xã Cửa Dương về việc tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư đối với Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch và Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar, tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 47.804,44m²;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-BQLKKTQP ngày 03/10/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar thuộc Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 47.804,44m²;

Căn cứ Công văn số 57/PCCC ngày 19/10/20223 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Kiên Giang về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch;

Theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Miramar tại Tờ trình số 01/TTr-Miramar ngày 04/10/2023 về việc xin phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar, xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - quy mô 47.804,44m²; Báo cáo thẩm định, trình phê duyệt số 64/BC-QLQH ngày 02/11/2023 của phòng Quản lý Quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar thuộc Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 47.804,44m² với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quy mô diện tích và ranh giới lập Điều chỉnh quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu, lập Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng có quy mô 47.804,44m² thuộc khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang tại xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp : Dự án Công ty TNHH HTD Phú Quốc;
- Phía Nam giáp : Dự án du lịch;
- Phía Đông giáp : Đất rừng phòng hộ;
- Phía Tây giáp : Biển.

2. Mục tiêu Điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu du lịch sinh thái Miramar thuộc Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang nhằm cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang đã được phê duyệt.



- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng ô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo.

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch-xây dựng làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác.

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh.

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu và tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Khu quy hoạch được xác định là khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng chất lượng cao với các chức năng chính như: khu khách sạn nghỉ dưỡng, bungalow, dịch vụ du lịch, hạ tầng kỹ thuật, cây xanh, mặt nước... đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách trong và ngoài nước.

4. Quy mô phục vụ:

- Dự kiến sau khi hình thành, khu du lịch có khả năng phục vụ cho khoảng 160 người/ngày. Trong đó:

+ Số lượng khách lưu trú khoảng: 110 người/ngày-đêm;

+ Số lượng khách vãng lai khoảng: 50 người/ngày.

- Số lượng nhân viên phục vụ khoảng: 102 người.

5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Mật độ xây dựng (*gộp*) khu du lịch là 22,94%.

- Tầng cao xây dựng tối đa là 04 tầng.

- Hệ số sử dụng đất khu du lịch tối đa là 0,50 lần.

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

5.2.1. Cấp nước:

- Du lịch : 250 - 300 lít/người/ngày;

- Nhân viên : 150 lít/người/ngày;

- Dịch vụ du lịch : 2,0 lít/m² sàn/ngày;

- Tưới cây : 3,0 lít/m²/ngày;

- Rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày;

- Chữa cháy : 15,0 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng

thời là 02 trong thời gian 03 giờ.

5.2.2. Cấp điện:

- Dịch vụ du lịch : 20-30W/m² sàn/ngày;
- Du lịch : 3,5kW/giường/ngày;
- Chiếu sáng : 0,5 - 1W/m².

5.2.3. Thoát nước thải

: tối thiểu 80% tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

5.2.4. Rác thải

- Du lịch : 2,0kg/người/ngày.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch là 47.804,44m², được cơ cấu sử dụng như sau:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất khu du lịch	42.546,78	89,00
1	Đất khách sạn nghỉ dưỡng	2.980,78	6,24
2	Đất du lịch nghỉ dưỡng	21.005,97	43,94
3	Đất dịch vụ du lịch	8.011,07	16,76
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	2.713,50	5,68
5	Đất cây xanh, mặt nước	2.601,50	5,44
6	Giao thông đối nội - sân bãi	5.233,97	10,94
II	Đất ngoài khu du lịch	5.257,66	11,00
1	Hành lang biển	4.267,66	8,93
2	Giao thông đối ngoại	990,00	2,07
Tổng cộng		47.804,44	100,00

6. Bố cục phân khu chức năng và quy hoạch xây dựng công trình:

TT	Chức năng	Ký hiệu ô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình /căn
I	Đất khu du lịch		42.546,78	22,94	4	0,50	57

1	Đất khách sạn nghỉ dưỡng	KSND	2.980,78	45,16	4	1,81	1
2	Đất du lịch nghỉ dưỡng		21.005,97	25,70	2	0,51	43
2.1	Đất du lịch nghỉ dưỡng 1	DLND1	5.612,32	8,79	2	0,18	6
2.2	Đất du lịch nghỉ dưỡng 2	DLND2	3.953,58	20,86	1	0,21	6
2.3	Đất du lịch nghỉ dưỡng 3	DLND3	2.520,01	38,04	1	0,38	6
2.4	Đất du lịch nghỉ dưỡng 4	DLND4	3.107,81	17,63	1	0,18	4
2.5	Đất du lịch nghỉ dưỡng 5	DLND5	1.076,73	22,92	2	0,46	3
2.6	Đất du lịch nghỉ dưỡng 6	DLND6	615,09	26,75	2	0,53	2
2.7	Đất du lịch nghỉ dưỡng 7	DLND7	973,25	33,81	2	0,68	4
2.8	Đất du lịch nghỉ dưỡng 8	DLND8	1.232,12	26,71	2	0,53	4
2.9	Đất du lịch nghỉ dưỡng 9	DLND9	1.915,05	34,36	2	0,69	8
3	Đất dịch vụ du lịch		8.011,07	27,14	2	0,54	11
3.1	Đất dịch vụ du lịch 1	DVDL1	3.692,01	22,92	2	0,46	1
3.2	Đất dịch vụ du lịch 2	DVDL2	2.077,07	19,86	1	0,20	8
3.3	Đất dịch vụ du lịch 3	DVDL3	1.703,89	38,86	2	0,78	1
3.4	Đất dịch vụ du lịch 4	DVDL4	538,10	47,15	2	0,94	1
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.713,50	30,96	1	0,31	2
5	Đất cây xanh -	CX1, CX2,	2.601,50	-	-	-	-

	mặt nước	MN					
6	Đất giao thông - sân bãi		5.233,97	-	-	-	-
II	Đất ngoài khu du lịch		5.257,66	-	-	-	-
1	Đất hành lang biển		4.267,66	-	-	-	-
2	Giao thông đối ngoại		990,00	-	-	-	-
TỔNG			47.804,44				

7. Quy hoạch không gian ngầm:

TT	Chức năng	Ký hiệu ô đất	Số tầng hầm	Diện tích sàn tầng hầm (m ²)	Ghi chú
I	Đất khu du lịch		-	-	
1	Đất khách sạn nghỉ dưỡng	KSND	-	-	
2	Đất du lịch nghỉ dưỡng		-	-	
2.1	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 1</i>	<i>DLND1</i>	-	-	
2.2	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 2</i>	<i>DLND2</i>	-	-	
2.3	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 3</i>	<i>DLND3</i>	-	-	
2.4	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 4</i>	<i>DLND4</i>	-	-	
2.5	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 5</i>	<i>DLND5</i>	-	-	
2.6	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 6</i>	<i>DLND6</i>	-	-	
2.7	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 7</i>	<i>DLND7</i>	-	-	
2.8	<i>Đất du lịch nghỉ dưỡng 8</i>	<i>DLND8</i>	-	-	

2.9	Đất du lịch nghỉ dưỡng 9	DLND9	-	-	
3	Đất dịch vụ du lịch		-	-	
3.1	Đất dịch vụ du lịch 1	DVDL1	-	-	
3.2	Đất dịch vụ du lịch 2	DVDL2	-	-	
3.3	Đất dịch vụ du lịch 3	DVDL3	-	-	
3.4	Đất dịch vụ du lịch 4	DVDL4	-	-	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1	50	Bể ngầm
5	Đất cây xanh - mặt nước	CX1, CX2, MN	-	-	
6	Đất giao thông - sân bãi		-	-	
II	Đất ngoài khu du lịch		-	-	
1	Đất hành lang biển		-	-	
2	Giao thông đối ngoại		-	-	
TỔNG			1	50	

8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Bộ cục quy hoạch, tổ chức không gian cảnh quan khu du lịch đảm bảo phù hợp với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Bãi Ông Lang đã được phê duyệt.

- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, khoảng cách, chỉ giới xây dựng, tầng cao, có mặt tiền thoáng đẹp, tạo cảnh quan chung cho toàn khu quy hoạch.

- Các công trình dịch vụ du lịch phải đạt tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu an toàn sử dụng.

- Các công trình dịch vụ ngoài trời phải đảm bảo thẩm mỹ, tiếng ồn, vệ sinh

đối với các công trình bên cạnh.

- Các kiến trúc nhỏ (*các khối điêu khắc, đèn trang trí, bồn cây, bậc ngói, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo,...*) tại các trục đường đi bộ, vườn hoa tiểu cảnh... yêu cầu mỹ thuật biểu trưng cho khu du lịch.

- Cây xanh cảnh quan dọc trục chính sử dụng các loại cây thân cao, ít lá không che chắn tầm nhìn, không gian cảnh quan chung.

- Cây, thảm cỏ trồng trong khuôn viên các công trình phải có hình thức trang trí đẹp, trồng tự nhiên hoặc trong bồn, các thảm cỏ lớn, các bể phun, các sân có mặt lát đẹp.

- Màu sắc của các công trình cần ưu tiên các loại màu sáng nhưng không gây chói, phản quang và hạn chế các mảng màu tối. Khuyến khích các giải pháp chiếu sáng vào ban đêm để tạo được đặc thù của khu quy hoạch.

- Các vườn dạo, cây xanh cảnh quan cần kết hợp nghiên cứu giữa các yếu tố cây xanh - mặt nước và chiếu sáng vào ban đêm để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho khu quy hoạch.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

9.1.1. Hệ thống giao thông đối ngoại:

Đường số 7 (*ký hiệu mặt cắt 3-3*): Lộ giới rộng 12m, bao gồm mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m. Khoảng lùi xây công trình tối thiểu là 3m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

9.1.2. Hệ thống giao thông đối nội:

- Đường số 1 (*ký hiệu mặt cắt 3-3*): Lộ giới rộng 3m, bao gồm mặt đường rộng 3m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng hoặc lát đá.

- Đường số 2, 6, 8 (*ký hiệu mặt cắt 5-5*): Lộ giới rộng 4m, bao gồm mặt đường rộng 4m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng hoặc lát đá.

- Đường số 3, 4 (*ký hiệu mặt cắt 6-6*): Lộ giới rộng 1,5m, bao gồm mặt đường rộng 1,5m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng hoặc lát đá.

- Đường số 5 (*ký hiệu mặt cắt 4-4*): Lộ giới rộng 3m, bao gồm mặt đường rộng 3m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng hoặc lát đá.

- Đường đi dạo (*ký hiệu mặt cắt 6-6*): Lộ giới rộng 1,5m, bao gồm mặt đường rộng 1,5m. Kết cấu mặt đường lát đá.

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

9.2.1. Quy hoạch san nền:

- San nền dựa trên nguyên tắc tuân thủ độ dốc sẵn có của địa hình và cảnh quan thiên nhiên, đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của những đường giao thông dự kiến trong khu quy hoạch, thiết kế nền đảm bảo độ dốc cho xe chạy an toàn và thoát nước mặt tốt.

- Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản vẽ Quy hoạch san nền.
- Cao độ nền không chế xây dựng $H_{xd} \geq 3 \text{ m}$ (theo Hệ toạ độ Quốc gia).

9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ nằm dọc theo trục giao thông và đầu nối thoát nước vào các tuyến thoát nước chung của khu vực.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước cho dự án được đầu nối với hệ thống cấp nước chung của đảo nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài.
- Tổng nhu cầu dùng nước khu quy hoạch (không kể lượng nước cấp cho chữa cháy) khoảng $93,44 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc, được đầu nối trên tuyến trung thế chung của khu vực.
- Toàn bộ hệ thống cấp điện được thiết kế và xây dựng ngầm.
- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng $500,62 \text{ KVA}$.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

9.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

9.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Trong giai đoạn đầu khi chưa có khu xử lý nước thải chung, xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.
- Tổng lưu lượng nước thải khu quy hoạch khoảng $55,64 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.5.2. Vệ sinh môi trường:

Tổng khối lượng rác thải khu quy hoạch khoảng $442 \text{ kg}/\text{ngày}$. Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu quy hoạch và được xe vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

Đầu tư xây dựng và vận hành

Điều 2. Giao Công ty TNHH MTV Miramar có trách nhiệm liên hệ với Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố, công khai Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện; tiến hành cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa

- Triển khai các công tác: Lập (hoặc điều chỉnh nếu có) dự án đầu tư xây dựng, thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất, xác định lại nghĩa vụ tài chính, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của luật hiện hành.

- Quy định quản lý theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, người đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV Miramar cùng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- LD. các Phòng chuyên môn BQL;
- Lưu: VT, Phòng QLQH, nvhung

K. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Võ Công Sơn